TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/DS-ST
Ngày: 26 - 3 - 2019
"V/v Tranh chấp về giao dịch dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phong

2. Ông Lê Hoàn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp về giao dịch dân sự" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 03, ấp T, xã L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Việt T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 05, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trần Việt L là vợ chồng sống với nhau nhưng không có con, ông bà sống bên gia đình ông L. Trong thời kì hôn nhân, cha mẹ ông L có cho ông bà một phần đất diện tích khoảng 1.000m^2 tọa lạc tại tổ 5, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long để canh tác, sử dụng. Phần đất này ông bà chưa được đứng tên và ông bà đã cho người khác thuê.

Đến năm 2010 ông L chết, bà D lập Tờ cam kết ngày 13/7/2010 với nội dung: Ông Trần Việt T (là em chồng bà D) đứng tên quyền sử dụng đất dùm phần đất có diện tích khoảng 1.000m^2 tọa lạc tại tổ 5, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long; bà D chỉ được canh tác sử dụng chứ không được quyền chuyển nhượng sang bán lại cho bất kì ai. Sau khi bà D chết, ông T sẽ lo hậu sự cho bà D. Việc cam kết này có xác nhận của trưởng ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và sự chứng kiến của ông Trần Việt T1, Trần Việt H.

Sau đó, bà D về sống với em ruột là bà Nguyễn Thị Thanh V để điều trị bệnh. Đến ngày 20/11/2016 bà D chết do bị bệnh. Bà V có báo cho gia đình chồng bà D về cái chết của bà D nhưng không có ai quan tâm, vì vậy bà V là người đứng ra lo hậu sự và các khoản tiền mai táng. Khi làm đám tang cho bà D, bà V không có nhận tiền cúng điếu nhưng phía gia đình ông T có đưa cho bà 600.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà V đã rất nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện lời hứa theo nội dung cam kết ngày 13/7/2010 nhưng ông T cố tình né tránh và còn lớn tiếng thách thức bà V đi thưa.

Nay bà V yêu cầu ông Trần Việt T thanh toán các khoản tiền chi phí mai táng bà D. Cụ thể: Chi phí hòm gương và thầy tụng: 12 triệu đồng; Chi phí ăn uống: 04 triệu đồng; Vật tư xây mồ mã: 4.500.000 đồng; Tiền thuê nhân công vật liệu xây dựng: 05 triệu đồng; Tiền xây mộ: 01 triệu đồng; Tiền cúng hàng tuần trong 07 ngày (01 ngày 500.000 đồng): 500.000 đồng x 07 ngày = 3.500.000 đồng. Tổng cộng là: 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)

Tại các buổi hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Việt T trình bày:

Ông T là em ruột của ông Trần Việt L; ông L và bà D là vợ chồng với nhau nhưng không có con chung. Ông L bà D sinh sống bằng nghề bán nước mắm trên ghe. Thấy vậy, khoảng năm 2009 cha mẹ ông T có cho vợ chồng ông L một công đất ruộng tọa lạc tại tổ 5, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long để canh tác sử dụng, việc cho đất chỉ nói miệng chứ không có lập văn bản giấy tờ gì. Do bận công việc làm ăn, vợ chồng ông L đã cho người khác thuê công đất.

Đến năm 2010 ông L chết, bà D tự ý bỏ về bên gia đình mẹ ruột sinh sống mà không có trách nhiệm thờ cúng ông L. Đến ngày 13/7/2010 gia đình ông L và bà D có thỏa thuận: một công đất mà cha mẹ ông L cho vợ chồng bà nếu có tách thửa thì ông đứng tên dùm với mục đích là tránh tình trạng bà D sang, bán phần đất này. Bà D được quyền tiếp tục cho thuê hoặc trực tiếp sử dụng phần đất này cho đến hết đời. Sau khi bà D chết, ông T sẽ lo hậu sự cho bà D.

Đến năm 2016, bà D chết thì phía gia đình bà V không có qua ông T bàn bạc việc làm đám mà tự ý bà V quyết định. Ông T có đến đám tang bà D và có đưa cho bà V số tiền 600.000 đồng. Nay bà V yêu cầu ông T trả số tiền 25.500.000 đồng do bà V đã chịu khi làm đám tang cho bà D thì ông T không đồng ý.

Tại phiên tòa:

Bà V trình bày: Bà yêu cầu ông Trần Việt T thanh toán cho bà các khoản tiền chi phí mai táng bà Nguyễn Thị Kim D gồm chi phí hòm gương và thầy tụng là 12 triệu đồng; chi phí ăn uống: 04 triệu đồng; vật tư xây mồ mã là 4.500.000 đồng; tiền thuê nhân công vật liệu xây dựng là 05 triệu đồng; tiền xây mộ là 01 triệu đồng; tiền cúng hàng tuần trong 07 ngày (01 ngày 500.000 đồng): 500.000 đồng x 07 ngày = 3.500.000 đồng. Tổng cộng là: 25.500.000 đồng. Số tiền 600.000 đồng ông T đến cúng điếu bà D thì bà đồng ý trừ qua, bà yêu cầu ông Tiến trả cho bà số tiền 24.900.000 đồng.

Ông T trình bày: Ông không đồng ý trả số tiền 24.900.000 đồng theo yêu cầu của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 280 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V, buộc ông Trần Việt T có trách nhiệm trả cho bà V 24.900.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông T nộp 1.245.000 đồng, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu ông Trần Việt T thanh toán số tiền 25.500.000 đồng là có căn cứ. Vì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn là ông T đã thừa nhận giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim D có sự thỏa thuận theo nội dung của Tờ cam kết ngày 13/7/2010 với nội dung là ông T được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm ông L bà D, đồng thời ông T phải có nghĩa vụ lo hậu sự khi bà D chết. Ngày 26/5/2016, ông T đã đứng tên quyền sử dụng phần đất này. Ngày

20/11/2016, bà D chết thì bà V đã cho ông T biết và bà V đã đứng ra lo mai táng cho bà D. Vì vậy, ông T phải thực hiện theo nội dung đã cam kết ngày 13/7/2010.

[2.2] Xét các khoản tiền chi phí mai táng bà D mà bà V yêu cầu ông T thanh toán gồm: chi phí hòm gương và thầy tụng là 12 triệu đồng; chi phí ăn uống: 04 triệu đồng; vật tư xây mồ mả là 4.500.000 đồng; tiền thuê nhân công vật liệu xây dựng là 05 triệu đồng; tiền xây mộ là 01 triệu đồng; tiền cúng hàng tuần trong 07 ngày (01 ngày 500.000 đồng): 500.000 đồng x 07 ngày = 3.500.000 đồng. Tổng cộng là: 25.500.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Tuy nhiên, bà V đồng ý trừ số tiền 600.000 đồng ông T đã đưa nên được chấp nhận. Vì vậy, ông T còn phải trả cho bà V số tiền là 24.900.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông Trần Việt T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.245.000 đồng.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 91,92,93, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 274, 275, 280, 385, 398, 401, 574, 576 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V: Buộc ông Trần Việt T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh V số tiền chi phí mai táng bà Nguyễn Thị Kim D là: 24.900.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Ông Trần Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.245.000 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh V số tiền 638.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012200 ngày 06/6/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản

tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai có mặt các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.